



PHÁT TRIỂN DẪN ĐẾN DÂN CHỦ NHƯ THẾ NÀO?

Nguồn: Ronald Inglehart & Christian Welzel (2009). "How Development Leads to Democracy: What We Know about Modernization", *Foreign Affairs*, Vol. 88, No. 2, pp 33-48.

Biên dịch: Phan Thị Hoài Phương | **Hiệu đính:** Nghiêm Hồng Sơn

Trong những năm gần đây, sự bùng nổ dân chủ đã nhường chỗ cho suy thoái dân chủ. Từ năm 1985 đến 1995, nhiều quốc gia thực hiện việc chuyển đổi sang dân chủ, mang hưng phấn lan rộng về tương lai của nền dân chủ. Nhưng gần đây, dân chủ đã thoái lui ở Bangladesh, Nigeria, Philippines, Nga, Thái Lan, và Venezuela. Còn những nỗ lực của chính quyền Bush để thiết lập nền dân chủ ở Afghanistan và Iraq dường như đã đẩy cả hai nước này vào sự hỗn loạn. Với sức mạnh ngày càng tăng của Trung Quốc và Nga, những phát triển này đã khiến nhiều nhà quan sát cho rằng nền dân chủ đã đạt đến đỉnh điểm và không còn dâng cao được nữa.

Kết luận đó là sai lầm. Các điều kiện cơ bản của xã hội trên toàn thế giới chỉ rõ ra một thực tế phức tạp hơn. Tin xấu là sẽ không thực tế khi cho rằng các thể chế dân chủ có thể được thiết lập dễ dàng, hầu như bất cứ nơi nào, bất cứ lúc nào. Mặc dù triển vọng luôn mang lại hi vọng, nhưng dân chủ chỉ có khả năng xuất hiện và tồn tại cao nhất khi các điều kiện xã hội và văn hóa nhất định đã được đáp ứng. Chính quyền Bush đã bỏ qua thực tế này khi cố gắng cấy ghép dân chủ ở Iraq mà chưa thiết lập được an ninh nội bộ, đồng thời bỏ qua các điều kiện văn hóa vốn đe dọa nỗ lực của chính quyền Bush.

Tuy nhiên, tin tốt là điều kiện thuận lợi cho nền dân chủ có thể và thực sự xuất hiện, và nhiều bằng chứng thực nghiệm cho thấy quá trình "hiện đại hóa" thúc

đẩy các điều kiện này phát triển. Hiện đại hóa là một hội chứng của những thay đổi xã hội liên quan tới công nghiệp hóa. Một khi hoạt động, hiện đại hóa có xu hướng thâm nhập vào tất cả các khía cạnh của cuộc sống: chuyên môn hóa nghề nghiệp, đô thị hóa, tăng trình độ học vấn, nâng cao tuổi thọ và tăng trưởng kinh tế nhanh chóng. Những yếu tố này tạo ra một quá trình tự củng cố giúp biến đổi đời sống xã hội và các thể chế chính trị, đẩy mạnh sự tham gia của quần chúng vào chính trị và dần dần giúp cho việc thành lập các tổ chức chính trị dân chủ ngày càng khả thi hơn. Ngày nay, chúng ta hiểu rõ hơn bao giờ hết về lý do tại sao và làm thế nào quá trình dân chủ hóa sẽ xảy ra.

Xu hướng dài hạn tiến tới dân chủ luôn có những bước thăng trầm. Vào đầu thế kỷ 20, chỉ một số ít các nền dân chủ tồn tại, và thậm chí họ đã không đạt được dân chủ đầy đủ theo tiêu chuẩn ngày nay. Sau Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất, số lượng các nền dân chủ tăng mạnh, rồi tiếp tục tăng mạnh sau Chiến tranh Thế giới lần thứ hai, và sự bùng nổ thứ ba diễn ra vào thời điểm cuối Chiến tranh Lạnh. Sau mỗi lần bùng nổ đều kéo theo sự suy giảm, mặc dù số lượng các nền dân chủ không bao giờ giảm trở lại số lượng gốc ban đầu. Đến đầu thế kỷ 21, khoảng 90 quốc gia có thể được coi là dân chủ.

Xu hướng chung rất rõ ràng: về lâu dài hiện đại hóa tất yếu dẫn đến dân chủ, mặc dù nhiều trong số các nền dân chủ này còn chưa hoàn thiện. Điều này có nghĩa rằng sự trỗi dậy của nền kinh tế Trung Quốc và Nga có một khía cạnh tích cực: những thay đổi cơ bản đang diễn ra tác động đến khả năng xuất hiện các hệ thống chính trị ngày càng tự do và dân chủ trong những năm tới. Điều này cũng có nghĩa là không có lý do gì để hoang mang về một thực tế rằng dân chủ hiện nay dường như đang ở thế phòng thủ. Tác động qua lại giữa hiện đại hóa và dân chủ hóa đang ngày càng trở nên rõ ràng, và nhiều khả năng cơ chế này sẽ tiếp tục hoạt động.

Cuộc tranh luận lớn

Khái niệm về hiện đại hóa có một lịch sử lâu dài. Trong suốt thế kỷ 19 và 20, lý thuyết Mác-xít về hiện đại hóa tuyên bố việc bãi bỏ chế độ sở hữu tư nhân sẽ chấm dứt bóc lột, bất bình đẳng, và xung đột. Phiên bản lý thuyết cạnh tranh của chủ nghĩa tư bản cho rằng phát triển kinh tế sẽ dẫn đến mức sống tăng và dân chủ. Hai lý thuyết về hiện đại hóa này không ngừng cạnh tranh quyết liệt với nhau suốt cuộc

Chiến tranh Lạnh. Tuy nhiên, vào những năm 1970, chủ nghĩa cộng sản đã bắt đầu trì trệ, và nhiều nước nghèo rõ ràng là không phát triển kinh tế cũng không tiến đến dân chủ hóa. Không phiên bản không tưởng nào trở thành hiện thực, và các nhà phê bình đã tuyên bố rằng lý thuyết về hiện đại hóa đã chết.

Tuy nhiên, kể từ khi kết thúc Chiến tranh Lạnh, khái niệm hiện đại hóa đã hồi sinh, và một phiên bản mới của lý thuyết hiện đại hóa đã xuất hiện, làm rõ hơn hiểu biết của chúng ta về tác động của phát triển kinh tế toàn cầu. Bỏ qua các phiên bản đơn giản đầu tiên, khái niệm mới về hiện đại hóa làm sáng tỏ những thay đổi văn hóa đang diễn ra, chẳng hạn như sự gia tăng về bình đẳng giới, làn sóng dân chủ hóa gần đây, và lý thuyết hòa bình dân chủ.

Trong hầu hết lịch sử nhân loại, tiến triển về công nghệ cực kỳ chậm chạp và những phát triển mới trong sản xuất lương thực chỉ đủ bù đắp nhu cầu từ gia tăng dân số - đẩy các nền kinh tế nông nghiệp vào trạng thái cân bằng ổn định nhưng tiêu chuẩn đời sống không được nâng cao. Lịch sử được coi là một chu kỳ lặp lại hoặc suy giảm dài hạn từ thời kỳ vàng son trong quá khứ. Tình hình đã bắt đầu thay đổi với cuộc Cách mạng Công nghiệp và sự ra đời của tăng trưởng kinh tế bền vững - điều này gợi mở ra tầm nhìn về hiện đại hóa của cả tư bản và cộng sản. Mặc dù các nhà lý luận cạnh tranh nhau quyết liệt, cả hai tư tưởng đều cam kết thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và sự tham gia quần chúng vào hoạt động chính trị. Mỗi bên tin rằng các quốc gia đang phát triển của thế giới thứ ba sẽ đi theo con đường của mình để tiến đến hiện đại hóa.

Vào đỉnh điểm của Chiến tranh Lạnh, một phiên bản của lý thuyết hiện đại hóa nổi lên ở Hoa Kỳ miêu tả sự kém phát triển như một hệ quả trực tiếp của những đặc điểm văn hóa và tâm lý của một quốc gia. Kém phát triển được cho là phản ánh giá trị chủng tộc và tôn giáo truyền thống bất hợp lý ngăn cản việc gạt hái những thành tựu. Theo lý thuyết này thì các nền dân chủ phương Tây giàu có có thể khai mở các giá trị hiện đại và đem lại tiến bộ cho các quốc gia "lạc hậu" thông qua hỗ trợ kinh tế, văn hóa, và quân sự. Tuy nhiên, vào những năm 1970, sự hỗ trợ này rõ ràng đã không mang lại nhiều tiến bộ cho sự thịnh vượng hay dân chủ - mà làm xói mòn thêm niềm tin vào phiên bản về lý thuyết hiện đại hóa này, ngày càng bị chỉ trích là vị chủng và trịch thượng. Điều này đã bị chỉ trích nặng nề từ phái "lý thuyết phụ thuộc", họ cho rằng thương mại với các nước giàu là bóc lột những nước nghèo và trói chặt những nước này vào thế phụ thuộc. Tầng lớp tinh hoa ở những quốc gia đang phát triển hoan nghênh lập luận này, vì nó ám chỉ rằng nghèo đói không liên quan gì đến các vấn đề nội bộ hoặc tham nhũng của lãnh đạo

địa phương mà là sai lầm của chủ nghĩa tư bản toàn cầu. Ở những năm 1980, lý thuyết phụ thuộc đã trở nên phổ biến. Các quốc gia Thế giới thứ Ba lập luận rằng họ có thể thoát khỏi sự bóc lột toàn cầu chỉ bằng cách rút khỏi thị trường toàn cầu và áp dụng các chính sách thay thế nhập khẩu.

Thời gian gần đây, các chiến lược thay thế nhập khẩu rõ ràng đã thất bại: các nước ít tham gia vào thương mại toàn cầu như Cuba, Myanmar (còn gọi là Miến Điện) và Bắc Triều Tiên, đã không phải là những quốc gia thành công nhất – thực tế họ là những nước tăng trưởng kém nhất. Chiến lược định hướng xuất khẩu đã thực sự rất hiệu quả trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và cuối cùng kéo theo dân chủ hóa. Theo đó, gió đã đổi chiều và một phiên bản mới về lý thuyết hiện đại hóa đã tạo được lòng tin. Sự phát triển kinh tế nhanh chóng của khu vực Đông Á và dân chủ hóa sau đó của Hàn Quốc và Đài Loan dường như đã khẳng định những tuyên bố cơ bản: sản xuất cho thị trường thế giới thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; tái đầu tư vào nguồn nhân lực và nâng cấp lực lượng lao động để sản xuất hàng hóa công nghệ cao mang lại lợi nhuận cao hơn và mở rộng tầng lớp trung lưu có học thức, và một khi tầng lớp trung lưu trở nên lớn và đủ sức liên kết, ắt sẽ xuất hiện dân chủ tự do – vốn là hệ thống chính trị hiệu quả nhất cho các xã hội công nghiệp tiên tiến. Tuy nhiên, thậm chí đến ngày hôm nay, nếu đề cập đến hiện đại hóa tại một hội nghị về phát triển kinh tế, người ta có thể sẽ phải nghe lặp lại bài phê bình của lý thuyết phụ thuộc đối với phiên bản lý thuyết hiện đại hóa vốn từng nhắc tới các “quốc gia lạc hậu”, như thể đó là tất cả đối với lý thuyết hiện đại hóa và không có các chứng cứ mới xuất hiện từ những năm 1970.

Thuyết hiện đại hóa mới

Khi nhìn lại, các phiên bản đầu của lý thuyết hiện đại hóa rõ ràng là đã sai về một số điểm. Ngày nay, hầu như không ai mong chờ một cuộc cách mạng của giai cấp vô sản sẽ bãi bỏ sở hữu tư nhân, mở ra một kỷ nguyên mới không có bóc lột và xung đột. Cũng không có bất cứ ai mong đợi công nghiệp hóa sẽ tự hình thành các thể chế dân chủ; chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa phát xít cũng nổi lên từ công nghiệp hóa. Tuy nhiên, nhiều bằng chứng cho thấy lập luận chính của lý thuyết hiện đại hóa là đúng: phát triển kinh tế có xu hướng mang lại những thay đổi quan trọng và có thể báo trước về xã hội, văn hóa và chính trị. Nhưng nhiều khía cạnh của các phiên bản về lý thuyết hiện đại hóa trước đây cần phải được chỉnh sửa.

Thứ nhất, hiện đại hóa không phải là tuyến tính. Nó không di chuyển vô thời hạn trong cùng một hướng, thay vào đó, quá trình này đạt đến những điểm uốn. Bằng chứng thực nghiệm cho thấy rằng mỗi giai đoạn hiện đại hóa gắn liền với những thay đổi đặc biệt trong thế giới quan của con người. Công nghiệp hóa dẫn đến một quá trình thay đổi lớn, tạo ra nạn quan liêu, hệ thống phân cấp, tập trung quyền lực, thế tục hóa, và sự chuyển đổi các giá trị từ truyền thống sang cởi mở. Xã hội phát triển đến thời kỳ hậu công nghiệp hóa mang lại các thay đổi văn hóa theo một hướng khác: thay vì quan liêu và tập trung quyền lực, xu hướng mới là ngày càng chú trọng hơn vào quyền tự chủ và các giá trị tự biểu hiện cá nhân, dẫn đến nhu cầu giải thoát khỏi sự kiểm soát của chính quyền ngày càng tăng.

Do đó, nếu các yếu tố khác không đổi, phát triển kinh tế ở mức độ cao có xu hướng làm cho con người khoan dung và tin tưởng nhau hơn, chú trọng hơn nữa vào sự tự thể hiện và tham gia nhiều hơn vào việc ra quyết định. Quá trình này không phải là tiền định, và mọi dự đoán chỉ có thể mang tính xác suất, vì yếu tố kinh tế không phải là yếu tố ảnh hưởng duy nhất, các nhà lãnh đạo hay các sự kiện của một quốc gia nhất định cũng ảnh hưởng đến những gì sẽ xảy ra. Hơn nữa, hiện đại hóa không phải là không thể đảo ngược. Sụp đổ kinh tế nghiêm trọng có thể đảo ngược nó, như đã xảy ra trong cuộc Đại suy thoái ở Đức, Ý, Nhật Bản và Tây Ban Nha và trong những năm 1990 ở hầu hết các quốc gia thừa kế Liên Xô. Tương tự như vậy, nếu cuộc khủng hoảng kinh tế hiện nay trở thành Đại suy thoái thế kỷ 21, thế giới có thể phải đối mặt với một cuộc đấu tranh mới chống lại sự bài ngoại và chủ nghĩa độc tài tái sinh.

Thứ hai, lịch sử có vai trò quan trọng vì thay đổi xã hội và văn hóa phụ thuộc vào lẽ thói truyền thống (path dependent). Mặc dù phát triển kinh tế có xu hướng mang lại thay đổi có thể dự đoán trong thế giới quan của người dân, di sản của xã hội - cho dù hình thành bởi đạo Tin lành, Công giáo, Hồi giáo, Khổng giáo, hoặc chủ nghĩa cộng sản - vẫn để lại một dấu ấn lâu dài trong thế giới quan xã hội. Hệ thống giá trị của một xã hội phản ánh sự tương tác giữa các yếu tố thúc đẩy công cuộc hiện đại hóa và sức ảnh hưởng dài lâu của truyền thống. Mặc dù các nhà lý thuyết hiện đại hóa cổ điển ở cả phương Đông và Tây nghĩ rằng tôn giáo và truyền thống dân tộc sẽ chết đi nhưng chúng đã được chứng minh là rất bền bỉ. Mặc dù dân chúng của các xã hội công nghiệp hóa đang ngày càng trở nên giàu có và có học thức hơn nhưng hầu như không tạo ra một nền văn hóa toàn cầu thống nhất. Rõ ràng di sản văn hóa vẫn tồn tại lâu dài.

Thứ ba, hiện đại hóa không phải là phương Tây hóa, trái ngược với phiên bản trước đây, phiên bản vị chủng của lý thuyết này. Quá trình công nghiệp hóa bắt đầu ở phương Tây, nhưng trong vài thập kỷ qua, Đông Á đã có tỷ lệ tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới, và Nhật Bản dẫn đầu thế giới về tuổi thọ và một số khía cạnh khác của hiện đại hóa. Hoa Kỳ không phải là mô hình cho sự thay đổi văn hóa toàn cầu, và các xã hội công nghiệp hóa nói chung không trở nên giống như Hoa Kỳ, như một phiên bản phổ biến của lý thuyết hiện đại hóa vẫn giả định. Trong thực tế, xã hội Hoa Kỳ vẫn giữ được nhiều giá trị truyền thống hơn so với hầu hết các nước có thu nhập cao khác.

Thứ tư, hiện đại hóa không tự động dẫn đến dân chủ. Thay vào đó, về lâu dài, nó mang lại những thay đổi xã hội và văn hóa mà làm cho dân chủ ngày càng có thể xảy ra. Việc chỉ cần đạt được một mức độ cao về GDP bình quân đầu người không tự động tạo ra dân chủ, nếu không Kuwait và Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất hẳn đã trở thành các nền dân chủ kiểu mẫu. (Các nước này đã không trải qua quá trình hiện đại hóa được mô tả ở trên.) Nhưng sự xuất hiện của xã hội hậu công nghiệp mang lại những thay đổi xã hội và văn hóa đặc biệt khả thi cho dân chủ hóa. Xã hội tri thức không thể hoạt động hiệu quả mà không cần người dân có trình độ cao và đã quen với việc suy nghĩ cho bản thân. Hơn nữa, mức tăng cao về an ninh kinh tế ngày càng dẫn tới sự chú trọng vào hội chứng của các giá trị tự thể hiện – một hội chứng ưu tiên cao cho tự do lựa chọn và thúc đẩy các hành động chính trị. Theo đó, vượt quá một điểm nhất định, việc né tránh dân chủ trở nên khó khăn, vì việc đè nén nhu cầu của quần chúng về một xã hội cởi mở hơn trở nên tốn kém và gây bất lợi đến hiệu quả kinh tế. Như vậy, trong các giai đoạn tiên tiến, hiện đại hóa mang lại những thay đổi xã hội và văn hóa làm cho sự xuất hiện và phát triển của thể chế dân chủ ngày càng khả dĩ.

Ý tưởng cốt lõi của lý thuyết hiện đại hóa là phát triển kinh tế và công nghệ mang lại một tập hợp chặt chẽ những thay đổi xã hội, văn hóa và chính trị. Một số lượng lớn các bằng chứng thực nghiệm ủng hộ ý tưởng này. Thực sự, phát triển kinh tế liên quan mạnh mẽ tới các dịch chuyển lan rộng về niềm tin và động lực của người dân, và những dịch chuyển này tới lượt chúng lại làm thay đổi vai trò của tôn giáo, động cơ việc làm, tỷ lệ sinh sản của con người, vai trò giới tính, quy chuẩn tình dục. Và chúng cũng mang lại những đòi hỏi ngày càng cao đối với thể chế dân chủ và hành động đáp ứng tốt hơn của giới chức lãnh đạo. Những thay đổi này cùng nhau làm cho dân chủ ngày càng có khả năng xuất hiện, trong khi cũng làm cho chiến tranh ít được công chúng chấp nhận hơn.

Đánh giá các giá trị

Các nguồn bằng chứng thực nghiệm mới cung cấp những hiểu biết sâu sắc có giá trị về cách hiện đại hóa làm thay đổi thế giới quan và động cơ. Một nguồn quan trọng là các cuộc khảo sát toàn cầu về các giá trị và thái độ quần chúng. Từ năm 1981 đến năm 2007, Khảo sát Giá trị Thế giới và Nghiên cứu Giá trị Châu Âu đã tiến hành năm đợt khảo sát quốc gia mang tính đại diện ở nhiều nước, bao gồm gần 90% dân số thế giới. (Để xem dữ liệu từ các cuộc khảo sát, tham khảo website www.worldvaluessurvey.org.) Kết quả cho thấy sự khác biệt lớn giữa các quốc gia về những gì người dân tin tưởng và quý trọng. Ở một số quốc gia, 95% số người được khảo sát nói rằng Thiên Chúa rất quan trọng trong cuộc sống của họ; ở những quốc gia khác, chỉ có 3% có niềm tin như vậy. Trong một số xã hội, 90% số người được khảo sát cho biết họ tin rằng đàn ông có nhiều quyền có việc làm hơn phụ nữ, trong những xã hội khác, chỉ có 8% nói rằng họ nghĩ như vậy. Những khác biệt này rất mạnh mẽ và tồn tại lâu dài, và chúng có mối tương quan chặt chẽ với mức độ phát triển kinh tế của xã hội: người dân trong xã hội có thu nhập thấp có chiều hướng chú trọng vấn đề tôn giáo và vai trò giới tính truyền thống nhiều hơn người dân ở các quốc gia giàu có.

Các cuộc khảo sát giá trị này chứng minh rằng thế giới quan của những người sống trong xã hội giàu có khác biệt một cách có hệ thống so với những người trong xã hội có thu nhập thấp về một loạt các quy chuẩn rộng lớn liên quan đến chính trị, xã hội và tôn giáo. Sự khác biệt diễn ra ở hai chiều kích căn bản: truyền thống đối lập với các giá trị cởi mở; và sự tồn tại đối lập với giá trị tự thể hiện. (Mỗi chiều kích phản ánh kết quả của các câu hỏi khảo sát về giá trị.)

Sự chuyển đổi từ truyền thống sang các giá trị cởi mở có liên quan đến sự chuyển đổi từ xã hội nông nghiệp sang công nghiệp. Xã hội truyền thống chú trọng tôn giáo, tôn trọng và tuân phục nhà cầm quyền cũng như niềm tự hào dân tộc. Những đặc điểm này thay đổi khi xã hội trở nên cởi mở hơn. Sự chuyển đổi từ sự tồn tại sang các giá trị tự thể hiện có liên quan tới sự phát triển của xã hội hậu công nghiệp. Điều này phản ánh sự thay đổi văn hóa xảy ra khi thế hệ trẻ lớn lên cho rằng sự tồn tại là lẽ đương nhiên. Giá trị tồn tại ưu tiên hàng đầu sự đảm bảo an sinh về đời sống kinh tế và các quy chuẩn xã hội mang tính tuân thủ. Giá trị tự thể hiện ưu tiên cao tự do ngôn luận, tham gia vào việc ra quyết định, tích cực hoạt động chính trị, bảo vệ môi trường, bình đẳng giới, khoan dung đối với dân tộc thiểu số, người nước ngoài, người đồng tính nam và đồng tính nữ. Việc chú trọng đến các giá trị này ngày càng sinh ra một nền văn hóa đầy ắp sự tin tưởng và khoan

dung, qua đó mọi người yêu mến tự do cá nhân, tự thể hiện mình và những định hướng hoạt động chính trị. Những thuộc tính này có tính quyết định đối với nền dân chủ - và như vậy có thể giải thích bằng cách nào mà tăng trưởng kinh tế, vốn giúp dịch chuyển xã hội từ nông nghiệp sang công nghiệp và sau đó từ công nghiệp đến hậu công nghiệp, lại dẫn đến dân chủ hóa. Tăng trưởng kinh tế chưa từng có trong vòng 50 năm qua có nghĩa là một phần dân số thế giới ngày càng tăng cho rằng sự tồn tại là lẽ đương nhiên. Dữ liệu chuỗi thời gian từ các cuộc khảo sát giá trị cho thấy các ưu tiên lớn đã dịch chuyển từ sự chú trọng quá mức về an sinh và đời sống kinh tế sang sự chú trọng về đời sống tinh thần, tự thể hiện mình, tham gia vào việc ra quyết định, và một quan điểm tương đối tin tưởng và khoan dung.

Cả hai chiều kích đều có liên quan chặt chẽ đến sự phát triển kinh tế: các hệ thống giá trị của các quốc gia thu nhập cao khác biệt đáng kể so với các quốc gia có thu nhập thấp. Mỗi quốc gia mà Ngân hàng Thế giới xác định là có thu nhập cao xếp hạng tương đối cao trên cả hai khía cạnh - với cả hai giá trị cởi mở và tự thể hiện đều được chú trọng mạnh mẽ. Tất cả các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình thấp được xếp hạng tương đối thấp ở cả hai phương diện. Các quốc gia có thu nhập trung bình cao nằm đâu đó ở giữa. Ở một mức độ đáng kể, các giá trị và niềm tin của một xã hội nhất định phản ánh mức độ phát triển kinh tế của nó - đúng như lý thuyết hiện đại hóa dự đoán.

Sự liên quan mạnh mẽ giữa hệ thống giá trị của xã hội và GDP bình quân đầu người cho thấy rằng sự phát triển kinh tế có xu hướng làm xuất hiện các thay đổi có thể dự đoán về niềm tin và giá trị của một xã hội, và các bằng chứng từ dữ liệu chuỗi thời gian hỗ trợ cho giả thuyết này. Khi so sánh vị trí của các quốc gia nhất định trong các đợt khảo sát giá trị liên tiếp, ta thấy rằng hầu như tất cả các quốc gia đã từng trải qua việc tăng trưởng GDP bình quân đầu người thì cũng trải qua các dịch chuyển có thể dự đoán được về giá trị của họ.

Tuy nhiên, các bằng chứng khảo sát giá trị cũng cho thấy thay đổi văn hóa lại phụ thuộc vào các lễ thói cũ; di sản văn hóa của mỗi nước xác định vị trí của nước đó trên bản đồ văn hóa toàn cầu. Bản đồ này cho thấy các cụm văn hóa nổi bật của các quốc gia: Tin Lành châu Âu, Công giáo châu Âu, cựu cộng sản châu Âu, các quốc gia nói tiếng Anh, Châu Mỹ Latinh, Nam Á, thế giới Hồi giáo, và Châu Phi. Các giá trị được nhấn mạnh bởi các xã hội khác nhau rơi vào một mẫu hình hết sức mạch lạc phản ánh cả sự phát triển kinh tế cũng như các di sản tôn giáo và thực dân của họ. Tuy nhiên, ngay cả khi di sản văn hóa của một xã hội tiếp tục định hình các giá trị hiện hành của nó, phát triển kinh tế mang lại những thay đổi trọng

đại. Theo thời gian, các loại giá trị và niềm tin sẽ tự định hình lại - điều này dẫn đến nhu cầu lớn ngày càng tăng đối với các thể chế dân chủ và cách hành xử tốt hơn từ cấp lãnh đạo. Các cuộc khảo sát giá trị đã trải dài qua hơn một phần tư thế kỷ, người dân ở hầu hết các quốc gia đều ngày càng chú trọng đến việc tăng giá trị tự thể hiện. Sự thay đổi văn hóa này làm cho dân chủ ngày càng có thể xuất hiện ở những nơi mà nó chưa từng xuất hiện và trở nên hiệu quả và trực tiếp hơn.

Phát triển và dân chủ

50 năm trước đây, nhà xã hội học Seymour Martin Lipset chỉ ra rằng các quốc gia giàu có có nhiều khả năng thiết lập nền dân chủ hơn so với các quốc gia nghèo. Mặc dù tuyên bố này đã được tranh cãi trong nhiều năm nhưng nó đứng vững trước những thử nghiệm lặp đi lặp lại. Câu hỏi về hướng đi của mối quan hệ nhân quả cũng được đặt ra: Có phải các quốc gia giàu có thì có nhiều khả năng tiến tới dân chủ vì dân chủ làm cho các quốc gia này giàu có, hay là phát triển dẫn đến dân chủ? Ngày nay, có vẻ như rõ ràng là quan hệ nhân quả chủ yếu đi theo hướng từ sự phát triển kinh tế dẫn đến dân chủ hóa. Trong thời gian đầu công nghiệp hoá, các quốc gia độc tài cũng có khả năng đạt được tốc độ tăng trưởng cao như nền dân chủ. Nhưng vượt quá một mức nhất định của phát triển kinh tế, dân chủ càng trở nên có khả năng xuất hiện và tồn tại. Như vậy, những quốc gia đã dân chủ hóa vào khoảng năm 1990 hầu hết là các nước có thu nhập trung bình vì các quốc gia có thu nhập cao đã tiến tới dân chủ hóa, và số ít quốc gia có thu nhập thấp thì đang trong quá trình chuyển đổi. Hơn nữa, trong số các quốc gia đã dân chủ hóa từ giữa năm 1970 đến năm 1990, dân chủ đã sống sót tại tất cả các quốc gia nào đã thực hiện được quá trình chuyển đổi khi quốc gia đó ở trình độ phát triển kinh tế tương đương với Argentina ngày nay hoặc cao hơn; trong số các quốc gia đã thực hiện quá trình chuyển đổi khi họ ở dưới mức này, tuổi thọ trung bình của dân chủ ở các quốc gia này chỉ có tám năm.

Sự tương quan mạnh mẽ giữa phát triển và dân chủ hóa phản ánh thực tế rằng phát triển kinh tế dẫn đến dân chủ. Đúng như vậy, câu hỏi về lý do tại sao phát triển dẫn đến dân chủ hóa đã được tranh luận mạnh mẽ, nhưng câu trả lời chỉ mới bắt đầu. Nó không phải là kết quả của thể lực siêu nhiên nào đó tự động tạo nên thể chế dân chủ khi một quốc gia đạt được mức độ GDP nhất định. Ngược lại, phát triển kinh tế mang lại những thay đổi xã hội và chính trị chỉ khi nó thay đổi hành vi của con người. Do đó, phát triển kinh tế dẫn đến dân chủ ở chừng mực mà:

thứ nhất, nó tạo ra một tầng lớp trung lưu rộng lớn, có giáo dục, và có tư duy rành mạch và đã quen với việc suy nghĩ cho bản thân mình; và thứ hai, nó biến đổi các giá trị và động lực của con người.

Hiện nay là thời điểm tốt hơn bao giờ hết để xác định xem đâu là những thay đổi quan trọng và chúng đã tiến triển bao xa ở các quốc gia nhất định. Phân tích dữ liệu đa chiều từ các cuộc khảo sát về các giá trị có thể phân loại ra các tác động tương đối của những thay đổi kinh tế, xã hội và văn hóa, và kết quả cho thấy kết luận rằng sự phát triển kinh tế dẫn đến chế độ dân chủ ở một chừng mực mà nó mang lại những thay đổi cấu trúc cụ thể (đặc biệt sự phát triển của tầng lớp trí thức) và những thay đổi văn hóa nào đó (đặc biệt là sự phát triển giá trị tự thể hiện). Các yếu tố về chiến tranh, suy thoái, thay đổi thể chế, quyết định từ cấp cao, và các nhà lãnh đạo tiêu biểu cũng ảnh hưởng đến những gì xảy ra, nhưng sự thay đổi cấu trúc và văn hóa là những yếu tố quan trọng đối với sự xuất hiện và tồn tại của nền dân chủ.

Hiện đại hóa góp phần nâng cao trình độ giáo dục, di chuyển lực lượng lao động vào các ngành nghề đòi hỏi tư duy độc lập, làm cho con người ăn nói lưu loát hơn và được trang bị tốt hơn để can thiệp vào chính trị. Khi xã hội tri thức xuất hiện, mọi người trở nên quen với việc vận dụng sáng kiến và nhận xét của mình trong công việc, đồng thời ngày càng có thể thách thức những thứ thẩm quyền mang tính thứ bậc và cứng nhắc.

Hiện đại hóa cũng làm cho con người thấy an toàn hơn về mặt kinh tế, và các giá trị tự thể hiện ngày càng trở nên phổ biến khi một phần lớn dân số lớn lên xem việc tồn tại là lẽ đương nhiên. Khát vọng tự do và tự chủ là khát vọng chung của con người. Chúng có thể phụ thuộc vào nhu cầu sinh tồn và trật tự cuộc sống khi sự tồn tại không có gì đảm bảo, nhưng chúng ngày càng được chú trọng ưu tiên khi mà sự tồn tại trở nên được đảm bảo hơn. Động cơ thúc đẩy căn bản cho nền dân chủ - khát vọng của con người đối với tự do lựa chọn - bắt đầu đóng một vai trò ngày càng quan trọng. Con người ngày càng bắt đầu đặt nặng quyền tự do lựa chọn chính trị và đòi hỏi tự do dân sự và chính trị cũng như thể chế dân chủ.

Dân chủ hiệu quả

Trong thời gian bùng nổ dân chủ diễn ra từ năm 1985 đến năm 1995, dân chủ bầu cử (*electoral democracy – tức dân chủ thể hiện dưới hình thức bầu cử tự do - NBT*)

lan truyền nhanh chóng trên toàn thế giới. Các thỏa thuận mang tính chiến lược của tầng lớp tinh hoa đóng một vai trò quan trọng trong quá trình này; tác động thuận lợi của môi trường quốc tế, trong đó sự kết thúc Chiến tranh Lạnh cũng đã mở đường cho dân chủ hóa. Ban đầu, chế độ nào có thể tổ chức bầu cử tự do và công bằng đã được coi là dân chủ. Nhưng nhiều nền dân chủ mới đã phải hứng chịu nạn tham nhũng rộng khắp và thất bại trong việc áp dụng nền pháp quyền, vốn là yếu tố làm cho nền dân chủ có hiệu quả. Do đó, số đông các nhà quan sát ngày nay nhấn mạnh sự bất cập của “dân chủ bầu cử”, “dân chủ lai”, “dân chủ chuyên chế” và các hình thức dân chủ giả tạo khác, nơi mà những nhà lãnh đạo chính trị có thể hầu như bỏ qua những yêu sách của dân chúng và những yêu sách này không có ảnh hưởng đến quyết định của chính phủ. Theo đó, điều quan trọng là phân biệt được giữa các nền dân chủ hiệu quả và không hiệu quả.

Bản chất của dân chủ là trao quyền cho mọi công dân bình thường. Liệu một nền dân chủ có hiệu quả hay không không chỉ dựa trên phạm vi quyền dân sự và chính trị tồn tại trên giấy mà còn là mức độ các quan chức thực sự tôn trọng các quyền này. Yếu tố thứ nhất của hai thành phần này - sự tồn tại của quyền trên giấy - được đo bằng bảng xếp hạng hàng năm của Freedom House: nếu một quốc gia tổ chức bầu cử tự do, Freedom House có xu hướng đánh giá đó là một quốc gia “tự do” với số điểm đứng đầu hoặc gần đầu bảng xếp hạng. Theo đó, các nền dân chủ mới của Đông Âu nhận được điểm cao như các nền dân chủ đã được hình thành lâu năm của Tây Âu, mặc dù phân tích sâu cho thấy tham nhũng tràn lan làm cho các nền dân chủ mới ít hiệu quả trong việc đáp ứng các quyền của người dân. May mắn thay, điểm số quản trị công của Ngân hàng Thế giới đánh giá các thể chế dân chủ của một quốc gia thực sự có hiệu quả đến mức nào. Do đó, chỉ số ước tính của nền dân chủ hiệu quả có thể đo được bằng cách nhân hai điểm số này: chế độ dân chủ chính thức, được đo lường bởi Freedom House, và tính liêm chính của thể chế và tầng lớp lãnh đạo, được đo bởi Ngân hàng Thế giới.

Tiêu chuẩn của nền dân chủ hiệu quả đòi hỏi nhiều hơn so với nền dân chủ bầu cử. Nền dân chủ bầu cử có thể được thiết lập hầu hết ở mọi nơi, nhưng có thể sẽ không kéo dài lâu nếu nó không chuyển giao quyền lực từ giới tinh hoa cho người dân. Dân chủ hiệu quả có khả năng tồn tại nhất khi có một cơ sở hạ tầng tương đối phát triển, bao gồm không chỉ các nguồn lực kinh tế mà còn có thói quen tham gia (vào chính trị) rộng rãi và sự chú trọng vào quyền tự chủ. Theo đó, nó liên quan chặt chẽ tới mức độ mà dân chúng chú trọng vào các giá trị tự thể hiện. Thật vậy, mối tương quan giữa các giá trị của xã hội và bản chất của các thể chế chính trị của quốc gia là khá mạnh mẽ.

Hầu như tất cả các nền dân chủ ổn định cho thấy các giá trị tự thể hiện mạnh mẽ. Hầu hết các nước Mỹ Latinh không đạt được thành công như mong đợi, cho thấy mức độ dân chủ hiệu quả thấp hơn so với các giá trị công chúng của họ dự đoán. Điều này gợi ý rằng các xã hội này có thể đạt được mức độ dân chủ cao hơn nếu tinh thần thượng tôn luật pháp ở đó vững chắc. Iran cũng là một quốc gia không thành công - một chế độ thần quyền cho phép một mức độ dân chủ thấp hơn nhiều so với mong đợi của người dân. Điều đáng ngạc nhiên đối với những người chỉ tập trung vào giới tinh hoa chính trị là người dân Iran bày tỏ ủng hộ mạnh mẽ cho dân chủ. Ngược lại, Cộng hòa Síp, Estonia, Hungary, Ba Lan, Latvia, và Litva là những quốc gia thành công vượt trội, cho thấy mức độ của nền dân chủ cao hơn so với những gì mà giá trị của công chúng dự đoán - có thể điều này phản ánh việc các thành viên trong khối Liên minh châu Âu đã khuyến khích thúc đẩy các quốc gia này tiến đến dân chủ hóa.

Nhưng giá trị tự thể hiện dẫn đến dân chủ, hay dân chủ khiến cho giá trị tự thể hiện xuất hiện? Bằng chứng cho thấy rằng các giá trị này dẫn đến dân chủ. (Đối với các bằng chứng đầy đủ cho tuyên bố này, tham khảo cuốn *Modernization, Cultural Change, and Democracy [Hiện đại hóa, Thay đổi Văn hóa, và Dân chủ]* của chúng tôi) Thể chế dân chủ không cần phải được đặt đúng chỗ thì các giá trị tự thể hiện mới xuất hiện. Bằng chứng từ dữ liệu chuỗi thời gian từ các cuộc khảo sát giá trị cho thấy rằng trong những năm ngay trước làn sóng dân chủ hóa vào cuối thập niên 1980 và đầu thập niên 1990, giá trị tự thể hiện đã xuất hiện thông qua một quá trình thay đổi giá trị của nhiều thế hệ - không chỉ ở các nền dân chủ phương Tây mà ngay cả ở nhiều xã hội độc tài. Trước 1990, người dân ở Đông Đức và Tiệp Khắc - vốn đã sống dưới hai trong số những chế độ độc tài nhất trên thế giới - đã phát triển các giá trị tự thể hiện ở mức độ cao. Yếu tố cốt lõi không phải là hệ thống chính trị mà thực tế là các nước này nằm trong số những nước kinh tế tiên tiến nhất trong thế giới cộng sản, với mức độ cao của giáo dục và hệ thống phúc lợi xã hội tiên tiến. Vì vậy, khi nhà lãnh đạo Liên Xô Mikhail Gorbachev từ bỏ Học thuyết Brezhnev, loại bỏ các mối đe dọa can thiệp quân sự của Liên Xô, họ đã nhanh chóng tiến tới dân chủ.

Trong những thập kỷ gần đây, các giá trị tự thể hiện đã được lan truyền ngày càng mạnh mẽ, làm cho người dân có nhiều khả năng can thiệp trực tiếp vào chính trị. (Thực tế cho thấy số lượng người vô tiền khoáng hậu tham gia vào các cuộc biểu tình đã giúp mang lại làn sóng dân chủ hoá gần đây nhất.) Điều này có nghĩa rằng các hệ thống độc tài chắc chắn sẽ sụp đổ? Câu trả lời là không. Sự chú trọng về giá trị tự thể hiện tăng cao có xu hướng làm xói mòn tính chính đáng của

hệ thống độc tài, nhưng chừng nào các nhà lãnh đạo độc tài kiên quyết kiểm soát được quân đội và cảnh sát mật, họ có thể trấn áp lực lượng ủng hộ dân chủ. Tuy nhiên, ngay cả các chế độ hà khắc cũng thấy rằng kiểm soát các xu hướng này thật tốn kém, vì làm như vậy sẽ ngăn chặn sự xuất hiện của các lĩnh vực kiến thức có hiệu quả.

Chiến lược hiện đại

Nhận thức mới này về hiện đại hóa mang hàm ý rõ ràng cho các mối quan hệ quốc tế. Rõ ràng việc này giúp giải thích tại sao các nền dân chủ tiên tiến không gây chiến với nhau. Các nghiên cứu gần đây hỗ trợ thực nghiệm mạnh mẽ cho tuyên bố rằng các nền dân chủ tiên tiến không đánh nhau, luận điểm xuất phát từ Adam Smith và Immanuel Kant. Kể từ khi các nền dân chủ tiên tiến xuất hiện vào đầu thế kỷ 19, các nền dân chủ tự do đã tham gia một số cuộc chiến tranh, nhưng hầu như không bao giờ chống lại nhau. Phiên bản mới của lý thuyết hiện đại hóa này chỉ ra rằng hiện tượng hòa bình dân chủ là do các thay đổi văn hóa liên quan đến hiện đại hóa nhiều hơn là do bản thân dân chủ.

Trong thời kỳ trước đây của lịch sử, các nền dân chủ đã đấu tranh với nhau thường xuyên. Nhưng các quy chuẩn phổ biến giữa các nền dân chủ đã cải tiến theo thời gian, như được minh họa bằng việc bãi bỏ chế độ nô lệ, việc mở rộng dần dần quyền bầu cử, và phong trào hướng tới bình đẳng giới trong hầu hết các xã hội hiện đại. Một sự thay đổi văn hóa khác đã xảy ra trong các xã hội hiện đại - thường là các nền dân chủ - đó là chiến tranh đã dần ít được chấp nhận và người dân ngày càng có thể thể hiện việc không thích chiến tranh và theo đó cố gắng tác động đến chính sách. Bằng chứng từ cuộc khảo sát các Giá trị Thế giới cho thấy rằng người dân ở các quốc gia có thu nhập cao có mức độ bài ngoại thấp hơn nhiều so với người dân ở các quốc gia có thu nhập thấp, và họ ít sẵn sàng chiến đấu cho đất nước của họ so với người dân ở các quốc gia có thu nhập thấp. Hơn nữa, các nền dân chủ kinh tế phát triển hành xử với nhau một cách hòa bình hơn so với các nền dân chủ nghèo, và các nền dân chủ kinh tế phát triển ít xảy ra nội chiến hơn so với là các nền dân chủ nghèo.

Lý thuyết hiện đại hóa mang lại những hàm ý mang tính cảnh báo lẫn khuyến khích đối với chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ. Dĩ nhiên, Iraq đưa ra một bài học cảnh báo. Ngược lại quan niệm hấp dẫn cho rằng dân chủ có thể dễ dàng

thiết lập hầu hết ở mọi nơi, lý thuyết hiện đại hóa cho rằng dân chủ có thể phát triển mạnh trong điều kiện nhất định nào đó. Một số yếu tố, trong đó có sự phân chia sắc tộc sâu sắc được làm trầm trọng hơn bởi chế độ Saddam Hussein, cho thấy sẽ không thực tế để mong đợi dân chủ có thể dễ dàng được thiết lập ở Iraq. Và sau thất bại của Saddam, việc để cho an ninh thực tế xấu đi là một sai lầm đặc biệt nghiêm trọng. Sự tin tưởng và khoan dung giữa con người với nhau phát triển tốt khi con người cảm thấy mình an toàn. Dân chủ khó có thể tồn tại trong một xã hội bị xâu xé bởi sự mất lòng tin và không khoan dung, và theo những dữ liệu sẵn có, Iraq hiện đang biểu lộ sự bài ngoại ở mức cao nhất. Một chỉ số hữu ích về xu hướng bài ngoại là mức độ mà người dân nói rằng họ không muốn có người nước ngoài làm láng giềng. Qua khảo sát trên 80 quốc gia, tỷ lệ phần trăm trung bình mà những người được khảo sát cho biết như vậy là 15%. 51% số người Kurd ở Iraq và 90% số người Ả Rập Iraq nói rằng họ không muốn người nước ngoài làm láng giềng. Tương ứng với những điều kiện này, Iraq (cùng với Pakistan và Zimbabwe) cho thấy mức độ rất thấp của cả hai giá trị tự thể hiện và dân chủ hiệu quả.

Lý thuyết hiện đại hóa cũng có tác động tích cực đối với chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ. Một số lượng lớn bằng chứng cho thấy rằng phát triển kinh tế là một động lực cơ bản của sự thay đổi dân chủ - có nghĩa là Washington nên làm những gì có thể để thúc đẩy phát triển. Ví dụ, nếu muốn mang lại thay đổi dân chủ cho Cuba, cô lập nước này có thể phản tác dụng. Hoa Kỳ cần phải dỡ bỏ cấm vận, thúc đẩy phát triển kinh tế, và tăng cường sự can dự xã hội và kết nối của Cuba với thế giới. Không có gì là chắc chắn, nhưng bằng chứng thực nghiệm cho thấy rằng cảm giác an toàn ngày càng tăng và ngày càng chú trọng vào giá trị tự thể hiện sẽ làm suy yếu chế độ độc tài.

Tương tự như vậy, mặc dù nhiều nhà quan sát đã được báo động về sự trỗi dậy của nền kinh tế Trung Quốc, nhưng sự tăng trưởng này có tác động tích cực trong dài hạn. Bên dưới cấu trúc chính trị dường như nguyên khối của Trung Quốc, cơ sở hạ tầng xã hội dân chủ đang nổi lên, và nó đã tiến triển xa hơn so với hầu hết các nhà quan sát nhận ra. Trung Quốc hiện đang tiến gần đến mức độ nhấn mạnh đại chúng về các giá trị tự thể hiện mà ở đó Chile, Ba Lan, Hàn Quốc và Đài Loan đã thực hiện quá trình chuyển đổi tiến tới dân chủ. Và thật đáng ngạc nhiên cho các nhà quan sát chỉ tập trung vào các hoạt động chính trị cấp cao, Iran cũng gần ngưỡng này. Khi nào các nhà lãnh đạo thần quyền của Iran và nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc vẫn còn kiểm soát được lực lượng an ninh và quân sự của nước mình, thì thể chế dân chủ sẽ không xuất hiện ở cấp quốc gia. Nhưng áp lực lớn ngày càng tăng về tự do hóa đang bắt đầu xuất hiện, và đàn áp chúng sẽ

gây nên những phí tổn ngày càng tăng xét về hiệu quả kinh tế lẫn tinh thần dân chúng. Nói chung, gia tăng sự thịnh vượng cho Trung Quốc và Iran là vì lợi ích quốc gia của Hoa Kỳ.

Nói rộng hơn, lý thuyết hiện đại hóa hàm ý rằng Hoa Kỳ cần phải hoan nghênh và khuyến khích phát triển kinh tế trên toàn thế giới. Mặc dù phát triển kinh tế đòi hỏi phải có những điều chỉnh khó khăn, tác động lâu dài của nó khuyến khích sự xuất hiện các xã hội khoan dung hơn, ít bài ngoại hơn, và cuối cùng là dân chủ hơn.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, nghiencuuquocte@gmail.com